

Bản án số: 35/2024/HS-ST
Ngày 09 - 5 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TRỰC TỈNH N ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Chính;

Ông Nguyễn Văn Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N Trục.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N Trục tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N Trục, tỉnh N Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 30/2024/TLST-HS ngày 23 tháng 4 năm 2024, theo quyết định đưa vụ án xét xử số: 34/2024/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo:

* Họ và tên: Nguyễn Thành N, sinh năm 1987; nơi sinh và nơi thường trú: Thôn C (Đội 18 cũ), xã T, huyện T, tỉnh N Định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Nguyễn Ngọc G (đã chết); con bà Trần Thị D (đã chết); gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai; chưa có vợ, con;

- Tiền án: không

- Tiền sự:

+ Ngày 27/3/2023, bị Ủy ban nhân dân xã T, huyện T xử phạt hành chính, hình thức phạt tiền 2.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản, chưa nộp phạt.

+ Ngày 05/4/2023, bị Ủy ban nhân dân xã T, huyện T xử phạt hành chính, hình thức phạt tiền 2.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản, chưa nộp phạt.

+ Ngày 18/7/2023, bị Ủy ban nhân dân xã T, huyện T quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, thời hạn 6 tháng.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 21/02/2024 đến ngày 27/02/2024 chuyển tạm giam. Hiện bị can đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện N Trục.

* Bị hại:

- Ông Bùi Văn C, sinh năm 1957 và bà Hoàng Thị D, sinh năm 1962; cùng trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh N Định;
- Ông Trịnh Văn L, sinh năm 1971; trú tại: Thôn N, xã N, huyện N Trục,
Tại phiên tòa bị cáo có mặt, các bị hại vắng mặt.

NỘI D VU ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 16 giờ ngày 01/02/2024, bị cáo N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA JUPITER, màu sơn xanh, biển số 14K6-5688 mang theo một chiếc cặp vải màu đen, bên trong có 01 con dao bằng kim loại mũi vuông, dài 40cm (loại dao rựa) đi từ nhà đến khu vực xã Trục Đạo, huyện T, tỉnh N Định với mục đích trộm cắp tài sản. Đến khoảng 16 giờ 15 phút cùng ngày, N đi đến khu vực Nhà văn hóa thôn Thanh Bình, xã Trục Đạo, huyện T, tỉnh N Định. N thấy trong khuôn viên Nhà văn hóa thôn Thanh Bình có trồng nhiều cây xanh và đào cảnh, trong đó có 01 cây đào bích, dáng trực đang nở hoa được trồng tại góc vườn phía Tây Nhà văn hóa. N quan sát thấy Nhà văn hoá không có cửa cổng, không có ai trông coi nên nảy sinh ý định chặt cây đào trên mang về nhà chơi Tết. Sau đó, N đi xe mô tô vào dựng ở góc sân Nhà văn hóa rồi đi đến vị trí cây đào bích, cầm dao mang theo chặt ngang thân cây đào cách gốc cây khoảng 25-30cm để lấy cành đào phía trên có đặc điểm: dáng trực, vanh góc 30cm, chiều cao 210 cm, tán rộng 190 cm, trên cây đang nở nhiều hoa màu đỏ. Sau khi chặt được cành đào, N lấy cặp vải bọc lấy gốc rồi cất dao ở giá để hàng dưới chỗ ngồi người điều khiển. N dùng tay trái giữ cành đào vác trên vai, tay phải điều khiển xe mô tô để đi về nhà. Khi N đi đến trục đường liên thôn cách Nhà văn hoá khoảng 800m thì bị ông Bùi Văn C và bà Hoàng Thị D là chủ của cây đào bích trên phát hiện hô hoán người dân bắt giữ N và giao cho Công an xã Trục Đạo, huyện T. Công an xã Trục Đạo đã báo cáo và chuyển hồ sơ vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Vật chứng thu giữ gồm:

01 cành đào bích, vanh góc kích thước 30cm, chiều cao 210cm, tán rộng 190cm, dáng trực, ít nụ, đang nở rộ nhiều hoa màu đỏ;

01 dao rựa bằng kim loại, mũi vuông dài 40cm đã qua sử dụng;

01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA JUPITER, màu sơn xanh, biển số 14K6-5688 đã qua sử dụng;

01 cặp vải màu đen kích thước (30x40)cm, đã qua sử dụng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 01 ngày 22/02/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: 01 cành đào bích, vanh góc kích thước 30cm, chiều cao 210cm, tán rộng 190cm, dáng trực, ít nụ, đang nở rộ nhiều hoa màu đỏ tại thời điểm xảy ra sự việc có giá trên thị trường là 800.000 đồng.

Lần thứ hai: Khoảng 12 giờ ngày 21/02/2024, bị cáo N đi nhờ xe của người đi đường từ nhà đến nhà bạn là anh Đào Văn Việt ở thôn N Hưng, xã N Lợi,

huyện N Trục chơi. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, N đi bộ từ nhà anh Việt theo trục đường xóm để ra đường TL 487 đi nhờ xe về nhà. Trên đường về, khi đi qua nhà ông Trịnh Văn L, thấy có một chuồng nuôi gà ở vệ đường. N quan sát thấy đường vắng người qua lại, nên nảy sinh ý định trộm cắp gà trong chuồng mang đi bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Sau đó, N nhặt một chiếc bao xác rắn màu xanh kích thước (100x60) cm đã qua sử dụng ở vệ đường rồi đi đến mở cửa chuồng gà bằng lưới B40. N dùng tay bắt 06 con gà, giống gà lai chọi (gồm 4 con gà trống, 02 con gà mái, tất cả đều còn sống) bỏ vào trong bao xách đi bộ về phía đường TL487. Khi N đi được khoảng 10m thì bị ông L phát hiện, tri hô. N hoảng sợ ném chiếc bao xác rắn đựng 06 con gà trên xuống mương nước sát vệ đường, rồi bỏ chạy về phía cánh đồng thôn N Hưng. Lúc này lực lượng Công an xã N Lợi đang làm nhiệm vụ tuần tra trên địa bàn thôn N Hưng nghe thấy tiếng tri hô của ông L đã tiến hành truy đuổi và bắt được N đưa về trụ sở UBND xã N Lợi để L biên bản bắt người phạm tội quả tang. Sau đó Công an xã N Lợi đã bàn giao hồ sơ cùng đối tượng N cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N Trục để giải quyết theo thẩm quyền.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 chiếc bao xác rắn màu xanh, kích thước (100x60) cm đã qua sử dụng;
- 06 con gà, giống gà lai chọi gồm 04 con gà trống, 02 con gà mái có tổng trọng lượng 17kg trong đó có 03 con gà đã chết (gồm 01 con gà trống và 02 con gà mái) tổng trọng lượng 09kg, 03 con gà trống còn sống có tổng trọng lượng 08 kg.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 06/KLĐG ngày 27/02/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện N Trục kết luận: 06 con gà (giống gà lai chọi) gồm 04 con gà trống, 02 con gà mái có tổng trọng lượng 17kg tại thời điểm xảy ra sự việc có giá trên thị trường là 2.040.000 đồng.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N Trục, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Quá trình điều tra xác định 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA JUPITER, màu sơn xanh, biển số 14K6-5688 là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Văn Thanh, sinh năm 1978, trú tại thôn Cự Phú, xã T, huyện T (là anh trai của Nguyễn Thành N), anh Thanh cho N mượn xe để đi làm, không biết việc N điều khiển xe để đi trộm cắp. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại xe cho anh Thanh.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại 01 cành đào bích vanh gốc kích thước 30cm, chiều cao 210cm, tán rộng 190cm, dáng trực, ít nụ, đang nở rộ nhiều hoa màu đỏ cho ông Bùi Văn C. Ông C đã nhận lại tài sản và yêu cầu N phải bồi thường số tiền 800.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N Trục đã trả lại 06 con gà (giống gà lai chọi) gồm 04 con gà trống, 02 con gà mái có tổng trọng lượng 17kg cho ông Trịnh Văn L. Ông L đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu N bồi thường về dân sự.

Đối với 01 dao rựa bằng kim loại, mũi vuông dài 40cm, 01 cặp vải màu đen kích thước (30x40)cm, 01 chiếc bao xác rắn màu xanh, kích thước (100x60) cm đều đã qua sử dụng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N Trục chuyển Chi cục Thi hành án dân sự huyện N Trục để xử lý.

Cáo trạng số: 34/CT-VKS ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N Trục, tỉnh N Định truy tố bị cáo Nguyễn Thành N về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N Trục luận tội: Giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thành N từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Thành N phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho ông Bùi Văn C và bà Hoàng Thị D số tiền 800.000 đồng.

Đối với hành vi ngày 21/02/2024 ông L đã nhận lại tài sản không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm khoản tiền nào khác, nên không đặt ra xem xét.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 dao rựa bằng kim loại, mũi vuông dài 40cm, 01 cặp vải màu đen kích thước (30x40)cm, 01 chiếc bao xác rắn màu xanh, kích thước (100x60)cm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/4/2024.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326 năm 2016 của UBTV Quốc Hội, buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo không có tranh luận gì với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát và nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật bị cáo rất ân hận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N Trục, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện N Trục, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, các bị

hại không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét về hành vi của bị cáo thấy rằng: Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, của người làm chứng, kết luận định giá tài sản số: 01/GĐKTHS ngày 22/02/2024 của Hội đồng định giá trong TTTHS huyện T; số 06/GĐKTHS ngày 27/02/2024 của Hội đồng định giá trong TTTHS huyện N Trực và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận:

Lần thứ nhất: Khoảng 16 giờ 15 phút ngày 01/02/2024, tại Nhà văn hóa thôn Thanh Bình, xã Trực Đạo, huyện T, tỉnh N Định, bị cáo có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 cành đào bích, dáng trực, ít nụ, đang nở rộ nhiều hoa màu đỏ có trị giá là 800.000 đồng của gia đình ông Bùi Văn C, bị phát hiện bắt quả tang. Tài sản bị cáo trộm cắp có trị giá dưới 02 triệu đồng nhưng bị cáo đã bị cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm, nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm a khoản 1, Điều 173 Bộ luật hình sự.

Lần thứ hai: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 21/02/2024, tại khu vực thôn N Hưng, xã N Lợi, huyện N Trực, tỉnh N Định, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt 06 con gà, giống gà lai chọi, gồm 04 con gà trống, 02 con gà mái, có tổng trọng lượng 17kg có trị giá là 2.040.000 đồng của gia đình ông Trịnh Văn L thì bị ông L và Công an xã N Lợi phát hiện bắt quả tang. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu tới trật tự trị an tại địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Bản thân bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, nhận thức rõ hành vi bị cáo thực hiện là sai trái, hơn nữa bị cáo đã nhiều lần có hành vi trộm cắp tài sản, bị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử phạt hành chính, nhưng không lấy đó làm bài học để khắc phục, sửa chữa trở thành người công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội mà vẫn tiếp tục phạm tội là thể hiện ý thức coi thường pháp luật, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội 02 lần trở lên, nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt: Căn cứ vào hành vi phạm tội, tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử thấy: Cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, cải tạo riêng và răn đe

phòng ngừa chung, mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng đối với bị cáo là phù hợp.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo lao động tự do, thu nhập thấp, không ổn định nên không cần thiết phải áp dụng phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Đối với hành vi phạm tội ngày 21/02/2024 ông Trịnh Văn L đã nhận lại tài sản không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm khoản tiền nào khác, nên HĐXX không đặt ra xem xét.

Đối với hành vi phạm tội ngày 01/02/2024 ông Bùi Văn C và bà Hoàng Thị D nhận lại tài sản, tuy nhiên tài sản nhận lại (cành đào bích) đã bị hư hỏng không còn giá trị sử dụng, nên ông bà yêu cầu bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại đối với tài sản do bị cáo chiếm đoạt là có căn cứ chấp nhận. Theo quy định tại khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho ông Bùi Văn C và bà Hoàng Thị D số tiền 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng chẵn).

[8] Về vật chứng: Đối với 01 dao rựa bằng kim loại, mũi vuông dài 40cm, 01 cặp vải màu đen kích thước (30x40)cm, 01 chiếc bao xác rắn màu xanh, kích thước (100x60) cm đều đã qua sử dụng là công cụ bị cáo sử dụng thực hiện hành vi phạm tội, không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành N 15 (Mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 21/02/2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Thành N phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho ông Bùi Văn C và bà Hoàng Thị D số tiền 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng chẵn).

3. Nghĩa vụ thi hành: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào các Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tuyên tịch thu tiêu hủy toàn bộ vật chứng thu giữ trong vụ án gồm: 01 dao rựa bằng kim loại, mũi vuông dài 40cm, 01 cặp vải màu đen kích thước (30x40)cm, 01 chiếc bao xác rắn màu xanh, kích thước (100x60) cm đều đã qua sử dụng (Vật chứng có đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/4/2024 giữa cơ quan Công an huyện N Trục và Chi cục Thi hành án dân sự huyện N Trục).

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Bị cáo; Bị hại;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKS nhân dân huyện N Trục;
- Công an huyện N Trục;
- Nhà tạm giữ Công an huyện N Trục;
- Chi cục THADS huyện N Trục;
- UBND xã T, huyện T;
- Lưu hồ sơ + VP.

Nguyễn Thị Ánh

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Xuân Chính

Nguyễn Văn Hà

Nguyễn Thị Ánh